

Bản án số: 111/2017/KDTM-ST

Ngày: 18 - 8 - 2017

V/v “tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tuấn
2. Ông Nguyễn Văn Bình

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quân Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình,

-*Nguyên đơn:* Công ty TNHH L

Trụ sở: đường A, phường E, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Trọng H1, sinh năm 1990,

-Bi đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1978

Địa chỉ: đường C, Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hứa Tú Q, sinh năm 1951

Địa chỉ: đường C, Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H1 có mặt, ông H, bà Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 29/01/2016, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 30/12/2016 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Trọng H1 trình bày: năm 2013 Công ty TNHH L và ông Trần Quốc H có ký 02 hợp đồng kinh tế mua bán mặt hàng da bò, cụ thể: Hợp đồng kinh tế

số: 01/2013/LA-HAO ngày 20/10/2013, giá trị hợp đồng là 1.750.144.894 đồng, thời hạn thanh toán là 20/01/2014 và hợp đồng kinh tế số: 02/2013/LA-HAO ngày 18/11/2013, giá trị hợp đồng là 914.710.738 đồng, thời hạn thanh toán là 20/02/2014. Trong quá trình thực hiện 02 hợp đồng nêu trên, Công ty TNHH L đã giao hàng đầy đủ cho ông Trần Quốc H theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, tuy nhiên, ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mặc dù công ty TNHH L nhiều lần yêu cầu. Ngày 28/11/2014, bà Hứa Tú Q là mẹ ruột của ông Trần Quốc H có viết giấy cam kết sẽ trả nợ cho công ty TNHH L thay cho ông Trần Quốc H, thời gian trả nợ từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2015, tuy nhiên bà Q không thực hiện đúng cam kết. Sau đó, Công ty TNHH L nhiều lần thông báo và yêu cầu ông H và bà Q phải thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty TNHH L nhưng ông H và bà Q không thực hiện.

Nay Công ty TNHH L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quốc H và bà Hứa Tú Q cùng có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH L số tiền nợ 2.664.855.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án với mức lãi suất 9%/năm. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 11/3/2016, bị đơn là ông Trần Quốc H trình bày: Ông xác nhận có ký kết 02 Hợp đồng kinh tế số 01/2013/LA-HAO ngày 20/10/2013, giá trị hợp đồng là 1.750.144.894 đồng, thời hạn thanh toán là 20/01/2014 và hợp đồng kinh tế số 02/2013/LA-HAO ngày 18/11/2013, giá trị hợp đồng là 914.710.738 đồng, thời hạn thanh toán là 20/02/2014. Do làm ăn thất bại nên ông không đủ khả năng để thanh toán nợ cho công ty TNHH L số tiền nêu trên. Năm 2014, mẹ ông là bà Hứa Tú Q có làm bản cam kết với công ty TNHH L sẽ trả nợ thay ông số tiền 2.664.855.000 đồng vào cuối năm 2015 nhưng không thực hiện. Nay công ty TNHH L yêu cầu ông trả tiền, ông không có khả năng thanh toán và đề nghị Tòa án triệu tập bà Q đến Tòa để giải quyết vụ án.

Bà Hứa Tú Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH L nhưng vắng mặt.

Tòa án đã thông báo các đương sự đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H, bà Q vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông H1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H và bà Q cùng có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH L số tiền nợ 2.664.855.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án với mức lãi suất 9%/năm là 431.706.509 đồng, tổng cộng là 3.096.561.509 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Quốc H vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Tú Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: đại diện nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng trong hồ sơ và quá trình xét xử vụ án tại phiên tòa, Công ty TNHH L yêu cầu ông H và bà Q cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ 2.664.855.000 đồng và tiền lãi: 431.706.509 đồng, tổng cộng là 3.096.561.509 đồng một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH L có đơn khởi kiện ông Trần Quốc H về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Do ông Trần Quốc H cư trú tại: đường C, Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Do toà án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]Tại phiên tòa hôm nay, ông H1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn là ông H vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Q vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4]Về yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: năm 2013 Công ty L và ông Trần Quốc H ký 02 hợp đồng kinh tế mua bán da bò, tổng giá trị hai hợp đồng là 2.664.855.000 đồng. Trong quá trình thực hiện 02 hợp đồng Công ty TNHH L đã giao hàng đầy đủ cho ông H, tuy nhiên ông H chưa thanh toán tiền cho Công ty TNHH L. Ngày 28/11/2014 bà Hứa Tú Q là mẹ của ông H có viết giấy cam kết sẽ thanh toán số tiền nêu trên trong thời hạn từ tháng 8 đến tháng 10/2015 nhưng không thực hiện. Do vậy nay Công ty TNHH L yêu cầu ông H và bà Q cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền 2.664.855.000 đồng cho Công ty TNHH L là có cơ sở chấp nhận.

[5]Về yêu cầu tiền lãi: Tại phiên tòa, đại diện công ty TNHH L yêu cầu ông H và bà Q phải trả lãi từ ngày 01/01/2015 đến ngày tòa xét xử sơ thẩm (ngày 18/8/2017) theo mức lãi suất 9%/năm tương đương 0,75%/tháng. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 thì: “trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Tại thời điểm xét xử mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 1,125%/tháng, ông H1 yêu cầu

công ông H và bà Q thanh toán tiền lãi 0,75%/tháng thấp hơn mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 18/8/2017) là 21 tháng 18 ngày với mức lãi suất 0,75%/tháng:

Tiền lãi được tính như sau: 2.664.855.000 đồng x 21 tháng 18 ngày x 0,75%/1 tháng = 431.706.509 đồng.

Tổng cộng, ông H và bà Q phải thanh toán cho Công ty TNHH L số tiền 2.664.855.000 đồng + 431.706.509 đồng = 3.096.561.509 đồng (ba tỷ không trăm chín mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi một ngàn năm trăm lẻ chín đồng).

[6]Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay ông H1 đại diện cho Công ty TNHH L yêu cầu ông H và bà Q phải trả tiền cho Công ty TNHH L ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở chấp nhận.

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H và bà Q phải nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án là số tiền 93.931.230 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 47.045.561 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm sáu mươi một đồng) cho Công ty TNHH L theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2014/005408 ngày 22/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 50, 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Quốc H và bà Hứa Tú Q có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH L số tiền nợ: 2.664.855.000 đồng và tiền lãi: 431.706.509 đồng, tổng cộng là: 3.096.561.509 đồng (ba tỷ không trăm chín mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi một ngàn năm trăm lẻ chín đồng) một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Quốc H và bà Hứa Tú Q chậm thanh toán các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông H và bà Q phải trả lãi chậm trả cho Công ty TNHH L theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 93.931.230 đồng (chín mươi ba triệu chín trăm ba mươi một ngàn hai trăm ba mươi đồng) do ông Trần Quốc H và bà Hứa Tú Q nộp. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 47.045.561 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm sáu mươi một đồng) cho Công ty TNHH L theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2014/005408 ngày 22/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Quốc H, bà Hứa Tú Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương